

ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA VẬT THỂ KHU VỰC TÂY SÔNG HẬU THỜI KỲ VĂN HÓA ÓC EO

TRẦN TRỌNG LỄ*

Kết quả khai quật khảo cổ học ở Việt Nam, Thái Lan, Myanmar cho thấy văn hóa Óc Eo phân bố trên phạm vi rộng lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long (tức hạ lưu sông Mekong) với mức độ các di chỉ khác nhau. Khu vực Tây sông Hậu được xem là địa bàn khởi nguồn của văn hóa Óc Eo và đặt nền móng cho sự hình thành quốc gia Phù Nam sơ khai. Giá trị văn hóa vật thể của cư dân văn hóa Óc Eo Tây sông Hậu đã góp phần vào sự phát triển của văn hóa Óc Eo và “đế chế Phù Nam”. Trên cơ sở tổng hợp - phân tích nguồn tư liệu từ các nghiên cứu đã công bố, bài viết nhận diện những đặc trưng văn hóa vật thể của cư dân văn hóa Óc Eo trên vùng đất Tây sông Hậu.

Từ khóa: Tây sông Hậu, văn hóa vật thể, Óc Eo, đặc trưng văn hóa

Nhận bài ngày: 23/2/2020; *đưa vào biên tập:* 15/4/2020; *phản biện:* 6/6/2020; *duyet đăng:* 24/6/2020

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tây sông Hậu nay là vùng đất nằm về phía hữu ngạn sông Hậu đến ven Vịnh Thái Lan, thuộc địa bàn 7 tỉnh thành: An Giang⁽¹⁾ (phía tây), Kiên Giang, Hậu Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, với diện tích 23.077,5km², dân số 8.862.638 người. Khái niệm văn hóa Óc Eo được đưa ra do L. Malleret tiến hành cuộc khai

quật khảo cổ học tại địa điểm Gò Óc Eo vào năm 1944 (Vũ Văn Quân, 2016: 29). Trên cơ sở khảo sát các di chỉ khảo cổ thuộc văn hóa Óc Eo và đối chiếu với các thư tịch cổ, sự phân kỳ văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ đã được đề xuất với các giai đoạn hình thành - phát triển - suy tàn (Đặng Văn Thắng, 2016: 19).

Những di tồn văn hóa Óc Eo ở vùng Tây sông Hậu tập trung dày đặc, có 124 di chỉ (Võ Văn Sen - Phạm Đức Mạnh, 2016). Trong đó, có 96 di tích ở Tứ giác Long Xuyên từ Ba Thê - Óc

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Eo - Núi Sam - Bảy Núi đến Hà Tiên - Rạch Giá, vùng đất thấp rừng U Minh - Cạnh Đèn; 26 di tích ở Cần Thơ - giồng cát Sóc Trăng; 2 di chỉ ở đảo Lại Sơn, Thổ Chu. Những di tích này có giai đoạn phát triển từ Óc Eo sớm đến Óc Eo muộn với loại hình di chỉ đặc thù như thủ công nghiệp về thiết, cư trú, kiến trúc tôn giáo, sản xuất gốm, liếp vườn cổ, đường nước cổ... Qua hiện vật khai quật ở Óc Eo - Ba Thê (An Giang) và Angkor Borei (Takeo, Campuchia) từ thế kỷ II - VII, thì Óc Eo - Ba Thê có hiện vật phong phú, có niên đại sớm hơn Angkor Borei. Khu vực Óc Eo - Ba Thê từ thế kỷ VII - XII vẫn là khu vực văn hóa Óc Eo rộng lớn nhất, có nhiều di tích, di vật nhất và cũng là khu vực giàu có nhất (nhà kiến trúc đá, gạch, ngói ống) so với khu vực Gò Tháp (Đồng Tháp), Bình Tả (Long An), Gò Thành (Tiền Giang). Điều này chứng tỏ cư dân văn hóa Óc Eo đã thích nghi, khai thác môi trường vùng đất Tây sông Hậu và tạo ra những nét văn hóa riêng.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. Cơ sở lý luận

Văn hóa vật thể

Qua việc vận dụng các lý thuyết hệ thống vào nghiên cứu vùng văn hóa và phân vùng văn hóa cho thấy, văn hóa tộc người, văn hóa vùng là những hệ thống hình thành, vận động và biến đổi trong những môi trường nhất định, và có cấu trúc bao gồm ba thành tố có quan hệ tương tác với nhau: chủ thể văn hóa, văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể (Lý Tùng Hiếu, 2018: 43).

“Văn hóa vật thể (tangible culture): bao gồm những yếu tố văn hóa có thể tiếp xúc được, như văn hóa mưu sinh, văn hóa ẩm thực, văn hóa phục sức, văn hóa cư trú, văn hóa kiến trúc, văn hóa giao thông... Tùy theo mục đích nghiên cứu, các yếu tố này có thể được chia nhỏ hơn nữa hoặc được gộp lại thành những nhóm lớn hơn. Do mang đặc tính vật thể, hữu hình, hữu thể, đây là những yếu tố dễ biến đổi dưới tác động của môi trường văn hóa” (Lý Tùng Hiếu, 2018: 44).

Đặc trưng văn hóa

Đặc trưng là “nét riêng biệt và tiêu biểu, được xem là dấu hiệu để phân biệt với những sự vật khác” (Hoàng Phê, 2011: 384).

Trong vận dụng các lý thuyết tương đối luận văn hóa và đa dạng văn hóa, đặc trưng của văn hóa được giới thiệu và luận giải gồm có tính giá trị, tính biểu tượng, tính truyền thống và tính hệ thống. Các đặc trưng của văn hóa đều mang tính tương đối, tức là có một giới hạn khả dụng nhất định tùy thuộc vào từng nền văn hóa. Đây là những đặc trưng có tính phổ quát của văn hóa, nhưng ở những nền văn hóa khác nhau, các đặc trưng ấy sẽ có những biểu hiện, nội dung khác nhau (Lý Tùng Hiếu, 2019: 94).

2.2. Định vị văn hóa Tây sông Hậu thời kỳ văn hóa Óc Eo

2.2.1. Không gian văn hóa Tây sông Hậu

Về phạm vi, vùng đất Tây sông Hậu có vị trí tiếp giáp với thềm đất cổ (vùng

đất ven biên giới với Campuchia ngày nay), với vùng đất “chinh phục từ đầm lầy” (Đặng Văn Thắng 2016: 256), và nằm giáp biển (Lê Xuân Diệm, 2016; Nhiều tác giả, 2016a: 15; Trương Thị Kim Chuyên, 2017: 56; Đặng Văn Thắng, 2016) là “vịnh biển lớn” (nay là biển Tây hoặc Vịnh Thái Lan), Biển Đông ngày nay. Về địa hình, vùng đất Tây sông Hậu có các dạng địa hình, như: đồi núi (cụm núi Ba Thê, Thất Sơn, Hòn Chông...), giồng và gò đất cao giữa vùng thấp trũng ngập nước, đồng bằng lũ nội địa (thấp, nhiễm phèn), đầm lầy, giồng cát ven biển, bãi triều, cồn sông, hải đảo (Phú Quốc, Hòn Sơn, Hòn Khoai...). Trên cơ sở phân loại theo đặc điểm phân vùng địa lý - môi trường và phân bậc địa hình, vùng đất Tây sông Hậu có các vùng địa lý như: vùng Tứ giác Long Xuyên, vùng Ô Môn - Phụng Hiệp, vùng U Minh Thượng và một số vùng phụ cận; và phân bố từ lưu vực sông Hậu kéo dài đến Mũi Cà Mau (Transbasac) (Bùi Chí Hoàng, 2018: 579; Đặng Văn Thắng, 2016: 181). Trong đó, tứ giác Long Xuyên là một phần của tiểu vùng thượng châu thổ Cửu Long (phần còn lại là Đồng Tháp Mười) tương đối cao từ 2 - 4m, bị ngập lụt vào mùa mưa nhiều hơn tiểu vùng hạ châu thổ (Lê Xuân Diệm, 2016).

Về thổ nhưỡng, dấu vết trầm tích để lại của các đợt biển thoái và biển tiến khác nhau ở Tây sông Hậu như các dải cát trên thềm phù sa cổ, lớp than bùn, lớp sét (khu vực Nền Chùa, bắc

Rạch Giá), trầm tích đầm lầy mặn (khu vực đồng Hà Tiên), các tầng đất phèn ở Tứ giác Long Xuyên. Diện tích đất Tây sông Hậu tiếp tục được mở rộng về phía biển theo hướng đông và hướng nam - đông nam (chủ yếu là về hướng đông và đông nam). Vùng đất này gồm có các loại đất như đất phù sa, đất phèn, đất mặn, đất than bùn, đất cát biển (Vũ Minh Giang - Nguyễn Việt, 2017: 26, 28).

Về khí hậu, gió mùa, có hai mùa gió chính là gió tây nam và gió đông bắc; có thời kỳ khí hậu tương đối ẩm và lạnh vào thời gian 200 - 600 năm, 800 - 1.150 năm và 1.400 - 1.650 năm Công nguyên ở thượng nguồn sông Mekong (Trương Thị Kim Chuyên, 2017: 37).

Về thủy văn, hệ thống sông rạch, lạch triều, đường nước nhân tạo được nối với nhau để lan tỏa từ các thành thị, thương cảng trên vùng đất Tây sông Hậu theo hướng đông - tây hoặc hướng bắc - nam: dấu tích khoảng 30 “đường nước cổ” ở Tứ giác Long Xuyên, di chỉ Đá Nổi là tụ điểm của 11 kinh đào cổ, và các sông đào như sông Hậu cổ (Proto Bassac), sông Thoại Giang cổ, kinh đào từ Angkor Borei (Cambodia) - di tích Nền Chùa (Kiên Giang) (Nhiều tác giả, 2016a: 207).

Về sinh thái, hệ sinh thái đồi núi (Thất Sơn, Kiên Lương...) và hệ sinh thái ngập nước (đồng ngập lũ, rừng ngập mặn...) là môi trường sinh thái của các loài động thực vật với các loài cá, chim, bò sát, loài lưỡng cư, thủy hải sản.

2.2.2. Tiến trình văn hóa Tây sông Hậu

Cư dân văn hóa Óc Eo ở vùng Tây sông Hậu đã kế thừa truyền thống văn hóa đồng - đá và kim khí bản địa (Đặng Văn Thắng, 2016: 115) từ “miệt cao”. Cộng đồng cư dân văn hóa Óc Eo - Phù Nam (Vũ Minh Giang - Nguyễn Việt, 2017: 62) đã phát triển các yếu tố nội sinh của văn hóa Đồng Nai và tiếp thu những yếu tố văn hóa ngoại sinh của văn hóa Ấn Độ. Đồng thời, cư dân đã tạo dựng lên một trung tâm, đầu mối thuận lợi phục vụ việc vận chuyển, trao đổi hàng hóa từ nội địa ra thế giới bên ngoài và ngược lại. Họ có mối liên hệ kinh tế - văn hóa với Xứ Vàng, Kim Lân (Suvarnabhumi) ở Myanmar; và với “những người phương xa” mang tinh hoa văn hóa Ấn Độ khởi tìm đến các “Xứ sở Vàng” (Suvarnabhumi = Kim Biên) - “Đảo Vàng” (Suvarnadvipa) - “Thành phố Vàng” (Keunakapura) - “Đảo Long Nảo” (Kurpuradvipa) theo nhiều tuyến Mã Lai - Thái Lan - Miến Điện - Java - Sumatra - Bornéo đến vùng đất Tây sông Hậu (Đào Linh Côn, 2016: 463; Phạm Đức Mạnh, 2016: 505; Lương Ninh, 2016: 544). Từ sau thế kỷ VII, cư dân văn hóa Óc Eo tiến đến các vùng đất cao như Thất Sơn, vùng gò, giồng, nhưng văn hóa Óc Eo vẫn tồn tại. Thời kỳ này có những thay đổi, dịch chuyển hóa, phát triển trong một diện mạo mới (Nhiều tác giả, 2016b: 162). Những hình thái mới được thể hiện rõ nét trong loại hình di tích kiến trúc tôn giáo.

2.2.3. Chủ thể văn hóa

Cư dân văn hóa Óc Eo Tây sông Hậu là cộng đồng đa tộc người (Lý Tùng Hiếu, 2018: 183; Đặng Văn Thắng, 2016: 193; Phan Huy Lê, 216), gồm có người Indonesian, lớp người ngoại nhập (Thiên Trúc, Nguyệt Thị, Nam Dương...), hay từ các xứ sở bên ngoài đến (Ấn Độ, Trung Quốc...), các nhóm tộc người thuộc ngôn ngữ Nam Đảo (Malayo - Polinésien), nhóm cư dân thuộc ngôn ngữ Môn - Khmer cổ. Theo kết quả nghiên cứu cổ nhân học kết hợp với những miêu tả trong thư tịch cổ, chủ nhân chủ yếu của nền văn hóa Óc Eo là người Indonesian hay cư dân thuộc các nhóm tộc người thuộc ngôn ngữ Nam Đảo (Malayo - Polinésien), trong đó, yếu tố nhân chủng của các nhóm tộc Malayo - Polynésien có phần nổi trội, chiếm ưu thế.

3. ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA VẬT THỂ CỦA CƯ DÂN VĂN HÓA ÓC EO Ở TÂY SÔNG HẬU

3.1. Văn hóa mưu sinh

Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng, cư dân văn hóa Óc Eo Tây sông Hậu đã khai khẩn và thích nghi tại địa bàn cư trú với từng điều kiện môi sinh của vùng đất đồi núi, đất ngập lụt, đất giồng ven sông và duyên hải. Từ những hiện vật khai quật tại các di tích khảo cổ cho thấy cư dân địa phương đã có các hoạt động nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại nhằm phục vụ đời sống cư dân và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương như: săn bắt, đánh cá,

trồng lúa, làm gôm, làm mộc, dệt, nghề làm đá, nghề luyện đúc kim loại. Ngoài ra, các di vật như: cuốc, rìu bên với mỏ cuốc, rìu giống công cụ Mã Lai, Java và công cụ ở thượng lưu sông Mekong đã cho thấy cư dân nơi đây từng có mối giao lưu với các nền văn hóa khác.

Nghề trồng lúa. Cư dân vùng Tây sông Hậu vẫn có thói quen khai thác lúa trời, trồng lúa nổi trên vùng đất thấp. Các giống lúa hạt tròn, hạt dài, lúa hoang dại được gieo trồng trong canh tác lúa cạn, lúa nước, lúa nổi theo điều kiện môi sinh của từng vùng đất (Nguyễn Xuân Hiền, 1984; Đặng Văn Thắng, 2016: 207). Cư dân mở rộng trồng lúa nước nhằm đảm bảo nguồn lương thực. Từ tri thức canh tác lúa truyền thống và sự hiểu rõ quy luật vận động của thủy triều, cư dân đã xây dựng hệ thống thủy nông để khai thác lúa ở vùng đất thấp trũng gần biển. Theo Nguyễn Văn Kim, cư dân đã sớm xây dựng hệ thống thủy nông để phát triển kinh tế nông nghiệp và trị thủy ở vùng đất ven biển, những kỹ năng hoàn toàn khác biệt với việc trị thủy ven sông của một số quốc gia cổ đại khác (Nhiều tác giả, 2016a: 632). Các đường nước cổ ở vùng Óc Eo - Ba Thê tạo thành một mạng lưới tỏa ra theo hình nan hoa. Tuy nhiên, công tác chống xâm nhập mặn, lũ lụt chưa được chú trọng: nhiều vùng đất bị ngập dưới nước, lầy lội, nước mặn xâm nhập vào đồng ruộng.

Nghề săn thú, nuôi gia súc gia cầm, đánh bắt cá. Cư dân văn hóa Óc Eo tự

cư trên vùng môi sinh Tây sông Hậu với núi rừng, sông biển, đồng ngập lụt, hải đảo... Đây cũng là không gian cư trú của các loài động thực vật và đa dạng về chủng loài. Do vậy, cư dân cổ đã khai thác các nguồn lợi từ thiên nhiên với các hoạt động khai thác gỗ, săn bắt thú rừng, đánh bắt cá sông cá biển bằng lưới, thuần dưỡng và nuôi gia súc - gia cầm... (Đặng Văn Thắng, 2016: 210; Lương Ninh, 2016: 667). Một bộ phận cư dân cổ đã sinh sống bằng một số nghề như săn bắt một số loại động vật có guốc hoặc sừng: trâu, bò, hươu, nai, lợn rừng; nuôi các loại gia súc gia cầm: trâu, bò, heo, gà, chó...

Nghề làm gôm. Cư dân cổ đã khai thác nguồn nguyên liệu đất sét tại chỗ để sản xuất gốm theo kỹ thuật truyền thống (đồ gốm mịn) hoặc kỹ thuật mới (đồ gốm thô). Đồ gốm thô (các loại nồi, bình, vò, chum, cà ràng...) được làm từ đất sét có pha cát, sét pha cát trộn vò nhuyễn thể nghiền nát, hay sét pha cát và trộn bã thực vật theo truyền thống đã có từ thời tiền sử ở vùng Nam Đông Dương, dùng để đựng lương thực, thực phẩm, chứa nước và đun nấu thức ăn. Đồ gốm mịn (bình cổ cao, ly cốc có chân, lọ nhỏ...) được cho là làm bằng kỹ thuật mới (có thể du nhập từ Ấn Độ) với nguyên liệu là sét mịn thuần; và được dùng để phục vụ các tầng lớp trên trong xã hội, các nghi lễ tôn giáo. Sự tiếp xúc với kỹ thuật làm gốm Ấn Độ dẫn đến bước chuyển từ gốm tiền sử ở khu vực này sang loại hình gốm Óc Eo sớm (cà

ràng, bình có vôi, cốc chân cao, nắp có núm cầm, bát - tô...) (Nguyễn Văn Kim, 2016: 637).

Nghề làm gạch ngói. Cư dân cổ đã làm các dạng ngói khác nhau để sử dụng cho những công trình kiến trúc như ngói hình lá đề, ngói hình thang cân (có niên đại từ thế kỷ II trước Công nguyên - thế kỷ II sau Công nguyên), ngói hình chữ nhật (có niên đại từ thế kỷ III - thế kỷ VI), ngói xếp nóc, ngói âm dương và ngói ống với hình chữ “U”, ngói hình lòng máng, ngói có diềm hình lá đề. Người thợ làm ngói thời kỳ văn hóa Óc Eo được truyền dạy kỹ thuật làm ngói từ thợ người Ấn Độ, và người thợ Óc Eo đã làm ra những loại ngói đặc trưng của văn hóa Óc Eo (Đặng Văn Thắng, 2016: 212).

Cư dân văn hóa Óc Eo cổ ở đây cũng làm các loại gạch để xây dựng những công trình kiến trúc với các loại gạch như gạch loại 2, gạch loại 3, gạch loại 4. Trong đó gạch loại 2 là loại gạch phổ biến với các kích thước lớn, trung bình hoặc có các kích thước: 33 x 17 x 8cm, 30 x 14 x 8cm, 29,5 x 14 x 6cm. Gạch xuất hiện khoảng từ thế kỷ II Công nguyên, được làm bằng đất sét trộn sạn, là loại gạch đặc và được tìm thấy ở hầu hết các di tích khu vực Óc Eo - Ba Thê. Gạch Óc Eo có kỹ thuật giống gạch sản xuất ở Ấn Độ (Đặng Văn Thắng, 2016: 212).

Nghề điêu khắc. cư dân cổ có những tác phẩm mang phong cách nghệ thuật và chế tác khá cao. Nghề điêu khắc tượng thời kỳ văn hóa Óc Eo

được nhận định là có thể có nguồn gốc từ bên ngoài. Cư dân cổ nơi đây đã tiếp nhận để tạc nên những tác phẩm nghệ thuật tượng mang phong cách văn hóa Óc Eo của địa phương. Nguồn nguyên liệu được sử dụng cho tạc tượng là đá, gỗ. Người thợ điêu khắc có kỹ thuật đục đẽo tinh vi và hiểu biết về đặc tính nguyên liệu chế tác các loại tượng (tượng thần, tượng Phật...), đồng thời có sự am hiểu sâu sắc về tôn giáo của địa phương (Đặng Văn Thắng, 2016: 214).

Nghề luyện kim, làm đồ trang sức. Cư dân cổ có quy trình luyện kim và đúc kim loại với các loại dụng cụ như nồi nấu, nồi rít, cốc rót kim loại, bộ khuôn đúc với các hiện vật như tượng đồng, chuông; và hoạt động chế tác từ đồng, sắt, chì, thiếc, vàng..., sản xuất đồ trang sức bằng vàng, đồng, đá quý như nhẫn, vòng đeo, bộ sưu tập về vàng... rất hoàn thiện. Cư dân cổ Óc Eo nhập một số loại nguyên liệu thô (Đào Linh Côn, 2016: 460) từ nhiều nơi cho các xưởng chế tác như vàng, đồng, chì, thiếc, đá quý ở bán đảo Mã Lai hoặc của các cư dân vùng cao; đá quý từ Ấn Độ, Thái Lan và thủy tinh từ Ấn Độ hoặc khu vực Trung Cận Đông.

Buôn bán. Các hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa trong vùng và với thương nhân từ các nước trong khu vực đã diễn ra, cung cấp lương thực, hàng hóa cho cộng đồng cư dân ở các đô thị và vùng nông thôn. Để ghe xuồng của thương hồ thuận lợi trao đổi hàng hóa, cư dân cổ ở Óc Eo đã

chọn một số “bến nước” (tức là loại chợ nổi) nằm dọc theo các đường nước nhân tạo và bến cảng làm nơi neo đậu cho các tàu hàng viễn dương từ phương Đông, phương Tây đến tiếp nhận hàng hóa sản vật từ các tàu chợ trong vùng. Một số bến cảng tiêu biểu trên vùng đất Tây sông Hậu như Ốc Eo, Đá Nổi, Nền Chùa (Kiên Giang) và Nền Vua (Lương Ninh, 2017; Trương Thị Kim Chuyên, 2017: 159). Trong đó, khu vực trung tâm Ốc Eo - Ba Thê (An Giang) trở thành cảng biển - đô thị (theo Phan Huy Lê, 2012; Đặng Văn Thắng, 2016: 49, 198), và được xem là một điểm trung chuyển - thương cảng buôn bán - trạm dừng chân trên tuyến đường biển nối với các nền văn minh lớn là Ấn Độ và Trung Hoa, Hy Lạp và La Mã... Đây là nơi cung cấp thuyền, thiết bị đi biển cho những hành trình dài ngày trên biển (Nguyễn Văn Kim, 2016). Cư dân Tây sông Hậu không chỉ đã tham gia vào mạng lưới trao đổi, buôn bán bằng đường biển mà còn mở rộng giao lưu văn hóa cùng với truyền giáo. Ngoài ra, cư dân cổ ở đây còn làm các nghề: làm vườn (trồng các loại rau củ, cây ăn trái...), làm mộc, đóng thuyền, khai thác gỗ...

3.2. Văn hóa ẩm thực

Lúa gạo là lương thực chính của cư dân văn hóa Ốc Eo vùng Tây sông Hậu. Gạo chế biến thành các món ăn hàng ngày và dâng cúng các vị thần linh. Bên cạnh đó là nguồn thực phẩm từ các loại động vật, thực vật sinh sống trong các vùng môi sinh, một số

loài gia súc, gia cầm (như trâu bò, hươu, nai, lợn, gà), một số loài thú khác và nhiều loại thủy hải sản... Các rau củ quả, hoa, trái cây là những vật phẩm được dùng trong các nghi lễ tôn giáo, cúng tế. Cư dân đã dùng nổi đất, cà ràng⁽²⁾ để nấu thức ăn.

3.3. Văn hóa phục sức

Tùy theo các tầng lớp trong xã hội, cư dân có các kiểu trang phục khác nhau. Người bình dân chỉ quấn một tấm vải ngắn quanh hông và được buộc lại bằng một dây thắt lưng ở ngang bụng, để lộ rốn; đầu đội mũ hay quấn khăn lớn, có khăn chít, chân đi đất (đàn ông có phần thân trên để trần, dưới đóng khố; và phụ nữ thì mình trần, mặc váy dài). Ở vùng Ốc Eo - Ba Thê, cư dân cổ có một số kiểu trang phục khác lạ như mặc áo bó sát thân, quần hai ống, mang ủng hoặc như quần xà cạp... có thể là trang phục của những “ngoại kiều”, quý tộc, tầng lớp. Cả nam và nữ đều đeo trang sức trên tai và cổ (khuyên, vật hình trụ hoặc đĩa, các vòng xoắn), đồ trang sức làm bằng vàng, bạc, thiếc... (Đặng Văn Thắng, 2016: 199, 222). Một số cổ vật về văn hóa phục sức của cư dân Ốc Eo có liên hệ với “miệt cao” truyền thống.

3.4. Văn hóa cư trú

Định cư trong vùng địa hình thấp, ngập nước, để khắc phục nền đất sinh lầy và sự tàn phá của nước lũ hàng năm, cư dân vùng Tây sông Hậu sống trên nhà sàn, dựng nhà trên cọc gỗ (Nguyễn Thị Hậu - Nguyễn Hữu Giềng, 2016: 707, 715). Phần lớn nhà sàn có

quy mô vừa và nhỏ với mái lợp bằng lá (lá dừa nước) hoặc lợp bằng ngói, có các loại cột, kèo, xà, ván sàn với đường kính phổ biến từ 10 - 20cm; loại nhà gạch được xây tập trung quanh chân núi Ba Thê. Nhà được xây trên các thế đất nổi có gò cao, ở chân núi, sau đó, mở rộng ra ở các gò, giồng (khoảng 30 gò) trên toàn cánh đồng Óc Eo và các vùng trũng Ô Môn - Phụng Hiệp như Nhơn Thành (Cần Thơ) - khu vực quanh đền Vĩnh Hưng (Bạc Liêu) (Đặng Văn Thắng, 2016: 188). Ở vùng Tứ giác Long Xuyên, các điểm sinh hoạt của cư dân cổ đều nằm ven bờ hoặc gần các đường nước gồm khu di tích Óc Eo - Ba Thê, di tích Đá Nổi (Kiên Giang) và Phum Quao (An Giang). Có thể nói, vùng đất Tây sông Hậu thời kỳ văn hóa Óc Eo có nhiều dạng cư trú ở các “miệt” sinh thái nhân văn (Lương Ninh, 2016: 507; Phạm Đức Mạnh, 2016: 667). Truyền thống cư trú trên nhà sàn được phát triển và trở thành những đặc trưng nổi bật trong lối sống của cư dân văn hóa Óc Eo từ đầu Công nguyên đến thế kỷ VI - VII.

Cư dân cổ Tây sông Hậu có kiểu quần cư nông thôn đồng bằng trũng và kiểu quần cư thành thị. Họ chọn các thế đất cao (và các gò, giồng) hoặc dọc theo các đường nước tự nhiên (sông rạch) và nhân tạo (kênh đào) để làm nơi cư trú, xây các đền thờ lộ thiên, và tiến đến khai thác địa bàn canh tác. Những khu quần cư lớn, cụm cư trú được hình thành, có mật độ dân cư đông đúc từ thế kỷ III trước Công

nguyên - thế kỷ VI Công nguyên (Đặng Văn Thắng, 2016: 190). Những dấu vết cư trú có thể quan sát được như Kinh Hai Chấm, Kinh Giồng Cát, Kinh Óc Eo, các tuyến thủy lộ; các khu vực bầu trũng như Bưng Cũ (Bưng Đầu Sọ), Bưng Đá Nổi, Bưng Cột Cầu... ở Nhơn Thành (Cần Thơ); “cảng khẩu” Cạnh Đền (Trăm Phố) ở miệt vũng lầy trũng ven biển tây nam U Minh - Năm Căn; các gò đất cao xung quanh đền Vĩnh Hưng (Bạc Liêu) ở tiểu vùng văn hóa thuộc nhóm Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau.

Về hình thức quần cư thành thị, một số trung tâm cư trú lớn đã được hình thành và phát triển trên vùng đất Tây sông Hậu như thành thị Ba Thê - Óc Eo, thành Sdachao (Bảy Núi, An Giang), Nền Chùa, Cạnh Đền (Kiên Giang), Lò Mo, Đá Nổi Phú Hòa (An Giang). Khu vực nội thành là nơi ở của vua chúa, quan lại, đạo sĩ, thương gia, nghệ nhân, công chức, binh lính; khu vực ngoại thành là nơi ở của công nhân và các cư dân (Nhiều tác giả, 2016b: 279).

Vào khoảng giữa thế kỷ VI, mực nước biển đã bắt đầu đột ngột tăng (Đặng Văn Thắng, 2016: 117) và các cuộc chiến tranh giữa các bộ lạc xảy ra (Phan Huy Lê, 2017: 25). Vùng đất Tây sông Hậu bị ngập kéo dài suốt 600 năm, ngoại trừ khu vực núi Ba Thê, Núi Sam - Bảy Núi. Cư dân tiếp tục sinh sống tại địa bàn cũ nhưng chỉ chọn những khu vực cao của vùng trũng như các thế đất gò, vùng đồi núi như khu vực Núi Sam - Bảy Núi (thế

kỷ từ VIII - IX) và khu vực Óc Eo - Ba Thê (từ đầu công nguyên - thế kỷ XII) và giồng duyên hải ở Sóc Trăng (từ thế kỷ XI - XII). Do các dấu vết cư trú chỉ phát hiện ở trên các thế đất cao (Đặng Văn Thắng, 2016: 195) nên hầu hết những vùng thấp trũng Tây sông Hậu không có dấu tích về sự tiếp tục có mặt của cư dân trong giai đoạn từ thế kỷ VI - XII. Vì thế, phần lớn diện tích đất Tây sông Hậu vẫn là hoang hóa, rất thưa thớt cư dân. Mãi cho đến khi các tộc người Khmer, người Việt, người Hoa, người Chăm tiếp tục đến định cư và khẩn hoang vùng đất mới Tây sông Hậu trong hành trình di cư qua nhiều thời kỳ khác nhau.

3.5. Văn hóa kiến trúc

Vùng đất Tây sông Hậu thời kỳ văn hóa Óc Eo có các loại hình kiến trúc như kiến trúc cư trú, kiến trúc đền điện Hindu - Phật giáo, kiến trúc thành quách. Công trình kiến trúc khu vực Óc Eo - Ba Thê từ thế kỷ I - II có thể được xây chủ yếu bằng vật liệu nhẹ - cột gỗ, mái lợp bằng lá hoặc ngói hình lá đề. Các kiến trúc tôn giáo (Gò Cây Trôm, Gò Cây Thị, Gò Giồng Xoài, chùa Linh Sơn và lớp dưới kiến trúc Gò Út Nhanh) vào giai đoạn thế kỷ III trước Công nguyên - thế kỷ VI sau Công nguyên là những kiến trúc xây dựng bằng gạch; hay các công trình kiến trúc ở trung tâm văn hóa Óc Eo vào khoảng thế kỷ IV - VI là bằng vật liệu nặng (bằng đá, gạch, gạch - đá hỗn hợp) (Nhiều tác giả, 2016a: 715).

Về kiến trúc nhà ở, hình thức nhà ở của cư dân cổ được phân biệt theo vật liệu làm nhà gồm có nhà gỗ, nhà gạch, nhà lá, nhà ngói, nhà sàn. Cư dân đã sử dụng kỹ thuật xây cất nhà ở thích hợp với địa bàn cư trú như thiết kế về kết cấu, độ chịu lực của ngôi nhà trên nền đất yếu qua dấu vết chế tác của cọc gỗ, sàn gỗ, cột gỗ trang trí, đầu cọc gỗ (Đặng Văn Thắng, 2016: 50, 213). Nhà ở trong thành thị cổ Óc Eo có bố cục hình chữ nhật, hình vuông.

Về kiến trúc tôn giáo, đền, tháp gồm có các đền Hindu, điện Phật, đền đài mang ý nghĩa tôn giáo. Phạm vi của các công trình kiến trúc tôn giáo cũng được cư dân phát triển và xây dựng trên những gò đất đắp hay thế đất cao, tiêu biểu như cách xếp những hòn đá (lấy từ núi Ba Thê) với cấu trúc đơn giản để tạo đền. Những kiến trúc đền (bằng đá, gạch) theo kiểu Ấn Độ có các chi tiết trang trí, bộ phận của kiến trúc được lắp ghép và kết nối bằng kỹ thuật chốt mộng; đền có bình đồ hình vuông, nền móng xây bằng gạch, đất sét và đá sỏi. Di tích đền ở khu vực Ba Thê - Óc Eo chủ yếu có dạng kiến trúc tôn giáo của đạo Hindu (Nhiều tác giả, 2016a: 560). Kiến trúc đền thần Hindu ở khu di tích Óc Eo - Ba Thê có ba loại đền phổ biến là các đền thần (Mặt trời Surya, Shiva, Vishnu) với dạng đền ở ngoài trời không có mái che (Hypaethral Temple) (Nhiều tác giả, 2016b: 332). Mặt khác, các loại hình kiến trúc tôn giáo của cư dân từ sau thế kỷ VII được xây với đặc trưng

kế thừa truyền thống văn hóa Óc Eo đã có từ trước, gồm kiểu đền độc lập, đền - bàu nước hay Ao Thần (có hình chữ nhật) và đền - hào ở Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa. Hồ chứa nước (Baray) có hình vuông, bao quanh bởi bờ kè, có hai dòng suối chảy vào. Ngoài ra, còn có kiến trúc “nhà dài”; có kiến trúc đền thần của văn hóa Óc Eo với cấu trúc trung tâm hình trụ xây gạch (Nhiều tác giả, 2016b: 24).

Về kiến trúc thành thị, cư dân văn hóa Óc Eo đã xây dựng một số thành thị và cảng thị trên vùng đất Tây sông Hậu, và kinh thành - cảng thị Ba Thê - Óc Eo là quan trọng nhất. Óc Eo có chức năng vừa là cảng thị vừa là kinh thành của bộ máy điều hành hệ thống cảng thị và thành ấp khác. Nhìn tổng thể, di tích cảng thị Óc Eo rộng 35km² gồm núi Ba Thê, cánh đồng Óc Eo và một diện tích rộng 500km² gồm vùng cảng Óc Eo với vòng ngoài, hệ thống kinh, đường nước trong phạm vi Óc Eo, Nền Chùa, Cạnh Đền. Kiến trúc của toàn khu “cảng thị” Óc Eo là vùng tứ giác với mỗi cạnh dài trên dưới 15km, với xuất phát điểm từ vùng núi Ba Thê tỏa ra theo hai hướng chính là Ba Thê - Nền Chùa (trục tây - nam) và Ba Thê - Núi Sập (trục tây - đông). Thành thị Ba Thê - Óc Eo có khu vực cư trú của cư dân, thương cảng Óc Eo, kiến trúc tôn giáo (tức đền thờ thần), các giếng trữ nước ngọt (được xây viền bằng gạch đá để trữ và giữ sạch nước ngọt), một công sở thời cảng thị Óc Eo (di tích kiến trúc Gò Cây Thị). Theo Đào Linh Côn - Lê

Xuân Diễm (2010), vòng thành cổ Ba Thê - Óc Eo được tạo nên do đào kinh đắp lũy, có tổng diện tích nội thành là 450ha (3.000m x 1.500m), và thiết kế hình chữ nhật. Những đường lộ, đường nước, nhà ở đã được ghi nhận trong vòng thành; giữa vòng thành có đường nước chạy xuyên qua trục giữa theo hướng Đông Bắc - Tây Nam song song với hai cạnh dài để nối liền với di tích Angkor Borei ở phía bắc, với di tích Takeo (Nền Chùa) ở phía nam. Từ khoảng thế kỷ III, kinh đô Óc Eo được cho là được chuyển dời về Angkor Borei (Phan Huy Lê, 2017: 242). Trong khoảng từ năm 540 - 550, thành Đặc Mục (kinh đô của Phù Nam) thời vua Rudravarman phải chuyển xuống phía nam ở thành Na Phật Na (Naravarmanagara, tức là Óc Eo) sau khi vua Chitrasena của Chân Lạp tiến đánh (Nguyễn Văn Kim, 2017: 196). Theo Đặng Văn Thắng, (2016: 204): vào năm 630, vua Chân Lạp Isanavarman chiếm được thành Na Phật Na và giao cho những người thuộc dòng dõi vua Phù Nam cai trị xứ Chân Lạp này (nay là vùng đất Tây sông Hậu).

Thương cảng cổ Óc Eo là một kiểu cảng phối hợp giữa cảng sông và cảng biển, với diện tích là 5km² (chiều rộng là 1,5km, chiều dài là 3km). Cảng thị Óc Eo được dòng kinh chính chia làm hai nửa, và mỗi nửa lại chia nhỏ hơn thành các ô khoảng 750m x 500m được bao bọc bởi các dòng kinh vuông vắn. Các bến cảng, dinh thự, đền đài và kho chứa hàng hóa cho

các mùa mậu dịch được xây dựng trên các bến sông (Nhiều tác giả, 2016a: 639).

3.6. Văn hóa giao thông

Cư dân văn hóa Óc Eo đã khai thác hệ thống sông rạch và kinh đào để tạo nên mạng lưới thủy lộ nối liền giữa các đô thị, các trung tâm văn hóa và các kinh thành mới - cũ. Theo các nhà nghiên cứu, các đường nước nhân tạo cổ bao gồm các sông đào, kênh đào và các bến nước... được xác định có chiều dài khoảng trên 200km. Những đường nước này nối liền từ bờ vịnh vào thương cảng, và từ các thương cảng chính như Óc Eo đến khoảng 12 đô thị nằm trong đất liền. Cư dân cổ Óc Eo đã đào những con kinh thoát nước, dẫn nước để làm đường giao thông đi lại. Đồng thời, họ cũng lợi dụng thủy triều của các đường nước cổ ra vào cảng thị Óc Eo để di chuyển phương tiện giao thông đường thủy.

Cư dân sống trên sông nước với hệ thống kinh rạch chằng chịt trên cánh đồng nên họ di chuyển bằng thuyền. Cư dân dùng trâu, voi, ngựa để vận chuyển trên đường bộ (Đặng Văn Thắng, 2016: 223). Từ điều kiện sống trên môi trường sông nước, phương tiện giao thông chủ yếu là ghe thuyền.

4. KẾT LUẬN

Khu vực Tây sông Hậu là một không gian văn hóa mở cửa “miệt thấp” gần với biển và “miệt cao”. Đây cũng là địa bàn hội tụ của các sắc tộc với sự đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ. Cộng đồng cư dân văn hóa Óc Eo đã có điều kiện thuận lợi trong giao tiếp văn hóa để tạo các nét văn hóa đặc trưng, trong đó có văn hóa vật thể. Cư dân cổ đã phát triển nghề nông trên đất trũng đầm lầy và ngập lũ; sản xuất thủ công, thương mại biển; trong ẩm thực có lẽ cư dân này đã chế biến món ăn với sự kết hợp nguồn nguyên liệu bản địa và gia vị ngoại nhập; sử dụng trang phục truyền thống bản địa và kiểu phục sức từ bên ngoài. Cư dân tụ cư trên các gò đất cao và theo hệ thống đường nước cổ, và có các công trình kiến trúc bằng gỗ, gạch và đá; chủ yếu di chuyển bằng thuyền trên các thủy lộ (đường nước nhân tạo, sông rạch).

Có thể nói, đặc trưng văn hóa vật thể của cư dân văn hóa Óc Eo Tây sông Hậu là loại hình văn hóa mưu sinh nông nghiệp ngập lũ thường niên và văn hóa mưu sinh ngư nghiệp gần bờ, với sự hỗ trợ của thủ công nghiệp và thương mại biển. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Trong phạm vi Tây sông Hậu, không tính đến 4 huyện, thị xã của tỉnh An Giang là An Phú, Tân Châu, Phú Tân, Chợ Mới.

⁽²⁾ Cà ràng là loại bếp bằng đất nung được tìm thấy ở các di chỉ cư trú khu vực Óc Eo - Ba Thê (An Giang), Nhơn Thạnh (Cần Thơ)... và cư dân ngày nay vẫn dùng loại cà ràng có hình dáng tương tự.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng. 2012. *Địa chí tỉnh Sóc Trăng*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
2. Bùi Chí Hoàng (chủ biên). 2018. *Khảo cổ học Nam Bộ thời sơ sử*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Đặng Văn Thắng (chủ biên). 2016. *Các tiểu quốc thuộc Vương quốc Phù Nam ở Nam Bộ*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
4. Đặng Văn Thắng (chủ biên). 2017. *Các trung tâm tôn giáo thuộc văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
5. Đào Linh Côn. 2016. “Những khám phá mới về các di tích văn hóa tiền Óc Eo ở vùng tứ giác Long Xuyên từ “phức hợp” gốm”, in trong Nhiều tác giả. 2016a. *Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê tỉnh An Giang*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
6. Hoàng Phê (chủ biên). 2011. *Từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.
7. Lê Xuân Diệm. 2016. “Quá trình hình thành châu thổ sông Cửu Long (tiếp cận từ địa - sử học và thư tịch học)”, in trong Nhiều tác giả. 2016a. *Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê tỉnh An Giang*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
8. Lương Ninh. 2016. “‘Nước Chí Tôn’ một quốc gia cổ ở miền Tây sông Hậu”, in trong Nhiều tác giả, 2016b. *Giá trị của di sản văn hóa Óc Eo - An Giang trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
9. Lương Ninh. 2016. “Về văn hóa Óc Eo”, in trong Nhiều tác giả. 2016a. *Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê tỉnh An Giang*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
10. Lương Ninh. 2017. “Óc Eo - cảng thị quốc tế của Vương quốc Phù Nam”, in trong Trương Thị Kim Chuyên (chủ biên). 2017. *Vùng đất Nam Bộ - Điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái* - Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
11. Lý Tùng Hiếu. 2018. *Các vùng văn hóa Việt Nam* (Giáo trình đại học). Trường Đại học Văn hóa TPHCM.
12. Lý Tùng Hiếu. 2019. *Văn hóa Việt Nam: tiếp cận hệ thống - liên ngành*. TPHCM: Nxb. Văn hóa - Văn nghệ TPHCM.
13. Nguyễn Thị Hậu - Nguyễn Hữu Giềng. 2016. “Nhà sàn trên cọc gỗ ở Giồng Cát, Giồng Xoài”, in trong Nhiều tác giả. 2016a. *Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê tỉnh An Giang*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
14. Nguyễn Văn Kim (chủ biên). 2017. *Vùng đất Nam Bộ - Từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI* - Tập 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
15. Nguyễn Văn Kim. 2016. “Óc Eo - Phù Nam vị thế lịch sử và các mối quan hệ khu vực”, in trong Nhiều tác giả. 2016a. *Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê tỉnh An Giang*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
16. Nhiều tác giả. 2016a. *Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê tỉnh An Giang*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
17. Nhiều tác giả. 2016b. *Giá trị của di sản văn hóa Óc Eo - An Giang trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.

18. Phạm Đức Mạnh. 2016. “Các phức hệ di tích văn hóa thời tiền sử - cổ sử trên đất An Giang (Việt Nam)”, in trong Nhiều tác giả. 2016a. *Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê tỉnh An Giang*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
19. Phan An. 2016. “Phù Nam - tiếp cận dưới góc độ dân tộc học”, in trong Nhiều tác giả. 2016a. *Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê tỉnh An Giang*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
20. Phan Huy Lê. 2012. *Lịch sử và văn hóa Việt Nam - tiếp cận bộ phận*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
21. Phan Huy Lê. 2016. “Qua di tích văn hóa Óc Eo và thư tịch cổ - thử nhận diện nước Phù Nam”, in trong Nhiều tác giả. 2016a. *Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê tỉnh An Giang*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
22. Phan Huy Lê (chủ biên). 2017. *Vùng đất Nam Bộ - Quá trình hình thành và phát triển* - tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
23. Trương Thị Kim Chuyên (chủ biên). 2017. *Vùng đất Nam Bộ - Điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái* - Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
24. Võ Văn Sen - Phạm Đức Mạnh. 2016. “Truyền thống văn hóa Óc Eo - hậu Óc Eo - nền tảng vật chất của vương quốc Phù Nam ở cuối nguồn Mê Kông”, in trong Nhiều tác giả, 2016b. *Giá trị của di sản văn hóa Óc Eo - An Giang trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
25. Vũ Minh Giang - Nguyễn Việt. 2017. *Vùng đất Nam Bộ - Từ cội nguồn đến thế kỷ VII* - Tập 2. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
26. Vũ Văn Quân. 2016. “Vùng đất Nam Bộ thời cổ đại từ tư liệu thư tịch đến khảo cổ học”, in trong Nhiều tác giả. 2016a. *Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê tỉnh An Giang*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.